

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Điệp

2. Bà Trần Thanh Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 742/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kiều P, sinh năm 1985 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng Tiến V, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều P trình bày:

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề

sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hoàng Tiến V thông qua mai mối có thời gian tìm hiểu được 06 tháng thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V chơi ma túy, không lo làm ăn, phải đưa đi cai nghiện 02 năm mới về. Nhưng thời gian gần đây, anh V lại tiếp tục chơi ma túy. Tài sản có giá trị trong nhà anh V đem bán. Khoảng 06-07 tháng nay, chị đã dọn về sống chung với cha mẹ ruột, còn anh V tiếp tục sống chung với cha mẹ anh V. Trong thời gian vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị đã từng nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh V và gia đình bên chồng có khuyên răn để vợ chồng đoàn tụ nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, thời gian gần đây, anh V không thay đổi mà tiếp tục hút chích nên chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh V được nữa. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

- Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Xuân Ph, sinh ngày 02/01/2007 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 07/12/2014, hiện nay cả hai con đang sống cùng với chị P. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung; không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công việc may gia công; thu nhập khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/tháng. Với thu nhập như trên, chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng. Về chỗ ở: hiện nay mẹ con chị đang sống cùng với cha mẹ ruột. Còn anh V hiện nay nghề nghiệp không ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hoàng Tiến V theo biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2019 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng Tiến V và chị P yêu thương và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nên chị P đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, còn anh V tiếp tục sống chung với cha mẹ anh V. Đây cũng là thời gian anh và chị P ly thân nhau. Nay chị P nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh V không đồng ý vì anh còn thương vợ con nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Xuân Ph, sinh năm 02/01/2007 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 07/12/2014, hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng với chị P. Hiện nay anh đang làm công việc buôn bán tại nhà thu nhập khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về

việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều P, xử cho chị Phạm Thị Kiều P được ly hôn anh Trần Hoàng Tiến V.

Về con chung: đề nghị giao con chung là cháu Trần Xuân Ph, sinh ngày 02/01/2007 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 07/12/2014 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh V, chị P và anh V đều cư trú tại huyện Nhơn Trạch, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Hoàng Tiến V có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị Kiều P và anh Trần Hoàng Tiến V xây dựng gia đình với nhau do cả hai đều tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (số 90, quyển số 13/2009 ngày 29/9/2006) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên chị P nộp đơn xin ly hôn anh V. Anh V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng không nghiêm trọng, hiện nay anh và chị P không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải nhưng anh V vắng mặt cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng về hòa giải xây dựng hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: chị P và anh V đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Trước đó chị P đã từng nộp đơn xin ly hôn anh V. Như vậy, hôn nhân của chị P và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: hiện 02 con chung là cháu Trần Xuân Ph, sinh ngày 02/01/2007 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 07/12/2014, đang do chị P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P có nguyện vọng nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cũng đã tiến hành ghi lời khai cháu P và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, chị P hiện cũng có việc làm và thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử, xử giao con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị P và anh V không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Kiều P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” của nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều P đối với bị đơn anh Trần Hoàng Tiến V.

Xử cho chị Phạm Thị Kiều P được ly hôn anh Trần Hoàng Tiến V.

[2] Về con chung: xử giao 02 con chung là cháu Trần Xuân Ph, sinh ngày 02/01/2007 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 07/12/2014, cho chị Phạm Thị Kiều P được quyền nuôi dưỡng, tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Hoàng Tiến V vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh V được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của 01 hoặc cả 02

bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Kiều P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 004422 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự chị P được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Nhơn Trạch (1),
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch (1),
- UBND xã P(1)
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Phong